TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2024/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Bà Đoàn Thị Bẩy

- *Thư ký phiên toà*: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 558/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP PĐ

Địa chỉ: SốA, đường LD, phường BN, Quận , thành phố HCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh V T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Bà L T T T; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cà Mau. Bà Trang ủy quyền lại cho ông: T C L– Nhân viên phòng thu hồi nợ (Giấy ủy quyền ngày 26/01/2024). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà C T KN; Sinh năm: 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông T C Ltrình bày: Vào ngày 23/11/2023 C T KN và Ngân hàng TMCP P Đ(gọi tắt là Ngân hàng O) có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho cho khách hàng cá nhân. Số tiền vay là 50.000.000đ, mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay 30%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150%

lãi suất trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng O đã cấp hạn mức và thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, khoản vay của khách hàng đã quá thời hạn thanh toán, Ngân hàng O đã nhiều lần nhắc nhỡ nhưng bà N vẫn không thanh toán được cho Ngân hàng. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán tổng số tiền dư nợ phát sinh tính đến ngày khởi kiện tổng cộng là số tiền 40.172.272đ. Trong đó nợ gốc là 37.505.931đ, nợ lãi 1.466.341đ, nợ lãi phạt, phí là 1.200.000đ và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết đến khi bà N thanh toán toàn bộ số tiền vay cho Ngân hàng O. Tuy nhiên tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi trong hạn tính đến ngày xét xử là 4.796.800đ; không yêu lãi phạt và phí là 3.741.874đ nên chỉ yêu cầu tổng cộng số tiền 42.302.713đ (trong đó nợ gốc là 37.505.931đ, nợ lãi là 4.796.800đ).

Đối với bà C T KN Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà C T KN vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay và lãi suất theo quy định, do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân do bà C T KN ký đề nghị vay hạn mức số tiền là 50.000.000đ với mục đích vay: Mua hàng trực tuyến, thanh toán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhà hàng, khách sạn mà có chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng đã được Ngân hàng chấp nhận cấp hạn mức và bị đơn đã thực hiện giao dịch còn nợ lại nợ gốc là 37.505.931đ, nợ lãi 4.796.800đ, lãi phạt và phí là 3.741.874đ nhưng đại diện Ngân hàng tự nguyện giảm lãi phạt và phí nên chỉ yêu cầu tổng cộng số tiền 42.302.713đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bản thân bà N đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, bà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, Bộ luật dân sự; Các Điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phương Đông. Buộc bà C T KN có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP P Đtổng số tiền vốn và lãi là 42.302.731đ (trong đó nợ gốc là 37.505.931đ, nợ lãi là 4.796.800đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà C T KN phải chịu 1.115.000 đồng. Ngân hàng TMCP P Đkhông phải chịu, ngày 13/8/2024 đã dự nộp 688.000đ đồng tại lai số 0009202 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc